

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày: 28-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Thanh Thuyền

Ông Hoàng Minh Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - số 24 đường Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Viết Đ, tên gọi khác: B - Sinh ngày: 20.3.1991. Tại Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Viết S, sinh năm 1965 và bà Trần Thị N, sinh năm 1963, cả hai đều còn sống; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ tư; Bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh T, sinh năm 1993, có 01 con, sinh năm 2016;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22.9.2017 đến ngày 28.9.2017, bị tạm giam từ ngày 28.11.2017, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Nguyên V - Sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 161/1 đường T, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01h00' ngày 22/9/2017, tại vũ trường N, đường Đ, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Tổ công tác thuộc Phòng PK20, Công an thành phố Đà

Năng bắt quả tang Nguyễn Viết Đ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật tạm giữ của Đ:

- 01 (một) túi nilon được hàn kín, bên trong có chứa 06 viên nén hình vuông, màu xanh và 01 viên hình tròn màu xanh (ký hiệu A).

- 01 (một) xe Mô tô Yamaha Mio màu đỏ BKS 43S3-5135.

Theo Kết luận giám định số 534/GĐ-MT ngày 27/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận: Mẫu ký hiệu A1 đề nghị chuyển Viện KHHS giám định lại. Trọng lượng mẫu A1: 2,032 gam; Không tìm thấy ma túy MDMA, MA, Heroin, Ketamin trong mẫu ký hiệu A2: 0,317 gam.

Theo Kết luận số 667/C54C(Đ4) ngày 17/10/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thuộc Viện khoa học hình sự, kết luận: 04 (bốn) viên nén hình vuông màu xanh (ký hiệu A1) gửi giám định đều là ma túy loại Ketamine. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 0,666 gam mẫu ký hiệu A1 còn lại sau giám định và bao gói mẫu vật.

Qua điều tra xác định: Vì có nhu cầu sử dụng ma túy (thuốc lắc) nên Đ vào Thành phố Hồ Chí Minh mua 10 viên thuốc lắc của một người đàn ông tên T (chưa xác định họ tên, địa chỉ) với giá 2.000.000 đồng. Vào ngày 22/9/2017, Đ đã đến vũ trường N sử dụng ma túy cùng với một số người bạn (tên M, bạn của M - đều chưa xác định được họ tên, địa chỉ). Đ và nhóm bạn sử dụng hết 03 viên, 07 viên còn lại Đ cất trong túi quần Jean phía trước, bên trái của Đ đang mặc thì bị phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên. Quá trình điều tra, Nguyễn Viết Đ đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 22.01.2018 Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đã truy tố: Nguyễn Viết Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Viết Đ khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- + Áp dụng: Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm g, khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 của Quốc hội, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Viết Đ từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 0,666 gam mẫu ký hiệu A1 còn lại sau giám định và bao gói mẫu.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật
- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố và phát biểu luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa, không có tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 22/9/2017, tại vũ trường N, đường Đ, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Viết Đ có hành tàng trữ trái phép 2,032 gam ma túy loại Ketamine để sử dụng.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, tang vật thu giữ trong vụ án, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác. Hành vi của bị cáo Nguyễn Viết Đ như trên đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4] Căn cứ khoản 3 Điều 7, điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về tội tàng trữ trái phép chất ma túy có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Đây là điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn so với cùng tội danh, điều khoản của Bộ luật hình sự năm 1999, là quy định có lợi cho người phạm tội nên được Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Đánh giá tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo như sau:

[6] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi đó xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về quản lý chất ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo làm mất trật tự trị an xã hội, làm gia tăng tội phạm về ma túy, góp phần là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, gia đình bị cáo có ông bà ngoại có công với cách mạng được tặng huân chương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46

khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nay là điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi quyết định hình phạt.

[10] Với tổng lượng chất ma túy bị cáo phạm tội, đánh giá căn cứ quyết định hình phạt, thấy cần thiết xử phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 5 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh của cơ quan điều tra thì gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng và là người nghiện chất ma túy nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[12] Về tang vật vụ án: Đối với xe mô tô Yamaha Mio, màu đỏ BKS 43S3-5135 đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Thanh A, xe này anh A đã bán cho anh Lê Nguyên V, anh V cho Đ thuê xe và không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Đ nên Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu trả lại cho anh V là có cơ sở.

[13] Đối với 0,666 gam mẫu ký hiệu A1 còn lại sau giám định và bao gói mẫu là chất cấm lưu hành không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[14] Đối với đối tượng tên T, L bán ma túy cho Nguyễn Viết Đ; đối tượng tên M và một số người khác: Hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[15] Từ những nhận định trên, xét thấy lời luận tội của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về tội danh và áp dụng các điều luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm g, khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20.6.2017 của Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Viết Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết Đ 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành 07 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 11 tháng 23 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28.11.2017.

3. Tang vật vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,666 gam mẫu ký hiệu A1 còn lại sau giám định và bao gói mẫu.

Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24.01.2018.

4. Án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Viết Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thùy